

**BẢN SAO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 42
8. Phụ lục	43 - 44

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:**

- Chế biến thủy sản các loại;
- Nuôi tôm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Xuất khẩu nông sản thực phẩm;
- Xuất nhập khẩu thủy sản các loại;
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

**Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2020
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Bà Trần Thị Mỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Đặng Ngọc Sơn – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/HĐQT/CMC.2023 ngày 01 tháng 01 năm 2023.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực... 4020... quyền số 01/2023 SCT/BS

Ngày 29 tháng 12 năm 20 23...

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



*Kao Chi Kieu Diem*



Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số: 4.0288/23/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỖ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Quốc Ngữ

Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3089-2020-008-1

Người được ủy quyền

Số chứng thực... quyền số... SGT/BS

Ngày... tháng... năm 2023...



Cao Thị Kiều Diễm

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢN SAO****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.832.285.209.104</b>	<b>1.643.054.112.453</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.549.353.774</b>	<b>5.183.608.325</b>
1. Tiền	111	V.1	3.549.353.774	5.183.608.325
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.600.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3.600.000.000	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>384.034.681.687</b>	<b>738.487.401.695</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	200.228.941.249	624.364.886.494
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	164.190.235.910	110.377.861.990
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	20.533.201.028	4.662.349.711
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(917.696.500)	(917.696.500)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.421.130.641.591</b>	<b>880.294.246.884</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.463.146.441.148	921.509.921.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(42.015.799.557)	(41.215.674.588)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.970.532.052</b>	<b>14.088.855.549</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V8a	1.159.816.183	630.846.259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.026.376.438	10.673.669.859
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	2.784.339.431	2.784.339.431
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>553.116.907.697</b>	<b>564.450.384.530</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.030.000.000</b>	<b>8.440.809.124</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.030.000.000	8.440.809.124
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>340.835.858.223</b>	<b>351.201.868.979</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	288.426.391.997	292.676.543.947
- Nguyên giá	222		546.110.426.412	530.866.344.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.684.034.415)	(238.189.800.260)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	8.934.302.150	13.402.469.102
- Nguyên giá	225		45.424.320.258	45.424.320.258
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(36.490.018.108)	(32.021.851.156)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	43.475.164.076	45.122.855.930
- Nguyên giá	228		64.688.899.986	64.688.899.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.213.735.910)	(19.566.044.056)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>101.884.066.032</b>	<b>88.330.178.580</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	101.884.066.032	88.330.178.580
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>90.000.000.000</b>	<b>95.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	50.000.000.000	50.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	5.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.366.983.442</b>	<b>21.477.527.847</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	19.366.983.442	21.477.527.847
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.385.402.116.801</b>	<b>2.207.504.496.983</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.397.235.758.239</b>	<b>1.255.945.212.743</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.377.492.107.473</b>	<b>1.232.039.346.786</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	214.517.367.152	131.949.322.760
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	86.830.963.835	120.315.903.729
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	16.273.375.359	13.988.636.104
4. Phải trả người lao động	314	V.16	10.028.099.872	13.521.070.097
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	760.166.036	4.812.885.025
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	41.649.330.772	37.106.606.801
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	1.006.552.804.447	909.464.922.270
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	880.000.000	880.000.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.743.650.766</b>	<b>23.905.865.957</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	19.743.650.766	23.905.865.957
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>988.166.358.562</b>	<b>951.559.284.240</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>988.166.358.562</b>	<b>951.559.284.240</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	630.000.000.000	630.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		630.000.000.000	630.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21a	6.800.000.000	6.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	351.366.358.562	314.759.284.240
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		314.759.284.240	314.759.284.240
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		36.607.074.322	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.385.402.116.801</b>	<b>2.207.504.496.983</b>

Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Trần Quốc Phong  
Người lậpNguyễn Thị Lam  
Kế toán trưởngĐặng Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Số chứng thực... 41022 quyền số 01/2023-SCT/BS

Ngày... 29 tháng 12 năm 2023...



Bao Thị Kiều Diễm

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢN SAO****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	683.889.054.211	1.216.830.458.764
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.282.781.094	13.590.031.957
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		678.606.273.117	1.203.240.426.807
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	556.542.682.484	1.028.775.284.020
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		122.063.590.633	174.465.142.787
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	24.442.877.601	18.779.004.391
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	46.168.508.965	44.160.598.062
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.801.783.679	21.254.994.051
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	33.626.040.656	61.230.099.893
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	25.933.615.849	20.569.075.061
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.778.302.764	67.284.374.162
11. Thu nhập khác	31	VI.8	477.504.437	5.446.122.512
12. Chi phí khác	32	VI.9	299.423.322	3.278.786.059
13. Lợi nhuận khác	40		178.081.115	2.167.336.453
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.956.383.879	69.451.710.615
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	4.349.309.557	7.955.248.711
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.607.074.322	61.496.461.904
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**Số chứng thực... 4023... quyền số... 01/2013CT/B  
Ngày... 29 tháng 12 năm 2023

Bao Thị Hiền Diễm

Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2023

  
Trần Quốc Phong  
Người lập  
Nguyễn Thị Lam  
Kế toán trưởng  
Đặng Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢN SAO****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.956.383.879	69.451.710.615
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	27.674.159.661	26.582.432.459
- Các khoản dự phòng	03	V.7	800.124.969	1.858.827.205
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	5.500.115.983	(1.294.551.257)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(330.421.246)	(5.264.083.735)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	26.801.783.679	21.254.994.051
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		101.402.146.925	112.589.329.338
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		356.173.572.780	(226.151.065.252)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(541.636.519.676)	(183.004.364.876)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		49.856.399.478	22.454.204.663
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.581.574.481	1.453.909.262
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(30.854.502.668)	(21.047.150.179)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(2.122.172.636)	(4.829.447.346)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(65.599.501.316)</b>	<b>(298.534.084.390)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.12	(32.372.596.931)	(13.493.792.574)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.768.181.820	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.600.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	673.013.698	21.657.534
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(23.531.401.413)</b>	<b>(13.472.135.040)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	49.300.513.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a,b	1.507.125.861.657	1.689.619.602.052
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a,b	(1.411.098.787.803)	(1.435.442.762.646)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.19a,b	(8.268.687.574)	(7.270.840.447)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>87.758.386.280</b>	<b>296.206.511.959</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.372.516.449)</b>	<b>(15.799.707.471)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>5.183.608.325</b>	<b>23.330.850.947</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(261.738.102)</b>	<b>915.203.119</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>3.549.353.774</b>	<b>8.446.346.595</b>



Trần Quốc Phong  
Người lập

Nguyễn Thị Lam  
Kế toán trưởng

Đặng Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

**CHỨNG THỰC BẢN SỔ CHỨNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực... 21024... quyền số 01/20.652.T/B  
Ngày... 29 tháng... 12 năm 20... 23...



Phan Thị Kiều Diễm

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢN SAO**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp; kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Công ty**

##### **Công ty con**

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 79,21%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.145 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.205 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

##### *Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng*

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

##### *Phí bảo lãnh vay vốn*

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, nhóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 44
Máy móc và thiết bị	05 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

lắp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

#### ***Nhãn hiệu, tên thương mại***

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **13. Trái phiếu thường**

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu gia công***

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	43.981.591	146.129.215
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.505.372.183	5.037.479.110
<b>Cộng</b>	<b><u>3.549.353.774</u></b>	<b><u>5.183.608.325</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng <sup>(*)</sup>	3.600.000.000	3.600.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

(\*) Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.19a).

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>40.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>40.000.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Camimex Organic <sup>(i)</sup>	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Camimex Foods <sup>(ii)</sup>	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 20001014506 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Camimex Organic 40.000.000.000 VND, tương đương 79,21% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

(ii) Công ty đã mua 5.000.000 cổ phần tương đương 16,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Foods với giá mua là 50.000.000.000 VND.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### Giao dịch với công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Camimex Organic là công ty con trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	263.512.812.051	152.086.649.964
Chi phí gia công	1.366.298.000	3.059.745.880
Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu	-	3.687.994.350
Phí dịch vụ của dự án Tôm sinh thái	11.850.250.000	8.556.625.000

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>38.274.315.775</b>	<b>218.882.732.466</b>
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	38.274.315.775	218.882.732.466
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>161.954.625.474</b>	<b>405.482.154.028</b>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Long Thành Hưng	28.021.892.240	249.925.892.240
Metro Richelieu Inc	24.451.366.694	1.906.941.378
Coop, Basel	22.288.471.379	6.373.836.252
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	-	92.777.670.000
Các khách hàng khác	87.192.895.161	54.497.814.158
<b>Cộng</b>	<b>200.228.941.249</b>	<b>624.364.886.494</b>

Toàn bộ công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối kỳ đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
Ông Bùi Đức Cường	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>	<b>161.690.235.910</b>	<b>107.877.861.990</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang	69.765.467.638	26.230.000.000
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom	53.511.143.563	60.953.799.716
Các nhà cung cấp khác	38.413.624.709	20.694.062.274
<b>Cộng</b>	<b>164.190.235.910</b>	<b>110.377.861.990</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>1.783.161.769</i>	<i>-</i>	<i>1.783.161.769</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Camimex Group				
- Phải thu khác	1.783.161.769	-	1.783.161.769	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>18.750.039.259</i>	<i>-</i>	<i>2.879.187.942</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	4.392.448.357	-	1.861.485.694	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	37.183.562	-	637.397.260	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	7.530.809.124	-	-	-
Lãi dự thu ứng trước tiền hàng	6.403.929.307	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	385.668.909	-	380.304.988	-
<b>Cộng</b>	<b>20.533.201.028</b>	<b>-</b>	<b>4.662.349.711</b>	<b>-</b>

##### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ dài hạn.

#### 6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức khác</i>				
Công ty TNHH MTV Thiết kế -				
Giám sát - Xây dựng Hưng Long -				
Trả trước cho người bán	739.361.500	-	739.361.500	-
Phải thu các tổ chức khác	178.335.000	-	178.335.000	-
<b>Cộng</b>	<b>917.696.500</b>	<b>-</b>	<b>917.696.500</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	917.696.500	882.296.500
Số cuối kỳ	917.696.500	882.296.500

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.671.559.501	-	8.070.047.206	-
Công cụ, dụng cụ	1.592.451.863	-	1.337.443.139	-
Thành phẩm	1.451.882.429.784	(42.015.799.557)	912.102.431.127	(41.215.674.588)
<b>Cộng</b>	<b>1.463.146.441.148</b>	<b>(42.015.799.557)</b>	<b>921.509.921.472</b>	<b>(41.215.674.588)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số thành phẩm tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 650.600.000.000 VND (số đầu năm là 402.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	41.215.674.588	39.356.847.383
Trích lập dự phòng bổ sung	800.124.969	1.858.827.205
Số cuối kỳ	<b>42.015.799.557</b>	<b>41.215.674.588</b>

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	338.539.394	251.927.286
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	648.688.437	378.918.973
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	172.588.352	-
Cộng	<b>1.159.816.183</b>	<b>630.846.259</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.821.537.384	2.492.629.237
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.899.309.752	3.155.434.468
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	12.814.510	47.814.508
Phí bảo lãnh vay vốn	217.101.395	277.543.061
Chi phí thuê đất (*)	13.664.644.054	14.002.042.672
Các chi phí trả trước dài hạn khác	751.576.347	1.502.063.901
Cộng	<b>19.366.983.442</b>	<b>21.477.527.847</b>

(\*) Trong đó, chi phí thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 13.664.644.054 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.19a).

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 288.330.911.149 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a và V.19b).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	45.424.320.258
Số cuối kỳ	<u>45.424.320.258</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	32.021.851.156
Khấu hao trong kỳ	4.468.166.952
Số cuối kỳ	<u>36.490.018.108</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	13.402.469.102
Số cuối kỳ	<u>8.934.302.150</u>

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	1.000.000.000	62.907.674.178	781.225.808	64.688.899.986
Số cuối kỳ	<u>1.000.000.000</u>	<u>62.907.674.178</u>	<u>781.225.808</u>	<u>64.688.899.986</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	331.225.808	331.225.808
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	18.872.318.248	693.725.808	19.566.044.056
Khấu hao trong kỳ	-	1.572.691.854	75.000.000	1.647.691.854
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>20.445.010.102</u>	<u>768.725.808</u>	<u>21.213.735.910</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	1.000.000.000	44.035.355.930	87.500.000	45.122.855.930
Số cuối kỳ	<u>1.000.000.000</u>	<u>42.462.664.076</u>	<u>12.500.000</u>	<u>43.475.164.076</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	29.516.760.000	13.553.887.452	43.070.647.452
Xây dựng cơ bản dở dang	58.813.418.580	-	58.813.418.580
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao máy móc thiết bị góp vốn từ Công ty Cổ phần Camimex Group	7.492.033.611	-	7.492.033.611
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao chi phí đầu tư xây dựng cơ bản từ Công ty Cổ phần Camimex Group	22.494.312.000	-	22.494.312.000
- Công trình thiết kế hạng mục Nhà máy xí nghiệp 3- Zone 1 sản xuất Cá Chèm	16.314.752.727	-	16.314.752.727
- Công trình xây dựng khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	982.422.346	-	982.422.346
- Các công trình khác	11.529.897.896	-	11.529.897.896
<b>Cộng</b>	<b>88.330.178.580</b>	<b>13.553.887.452</b>	<b>101.884.066.032</b>

#### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>77.571.495.038</b>	<b>89.138.431.324</b>
Công ty Cổ phần Camimex Group	4.380.120.127	15.510.005.085
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	5.213.309.161	9.687.346.545
Công ty Cổ phần Camimex Foods	1.594.461.776	8.752.724.010
Công ty TNHH Camimex Organic	54.870.251.533	47.817.153.362
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	11.513.352.441	7.371.202.322
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>136.945.872.114</b>	<b>42.810.891.436</b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	43.240.038.615	4.353.901.470
Các nhà cung cấp khác	93.705.833.499	38.456.989.966
<b>Cộng</b>	<b>214.517.367.152</b>	<b>131.949.322.760</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước của bên liên quan</b>	<b>79.179.659.303</b>	<b>117.626.779.871</b>
Công ty Cổ phần Camimex Group	79.179.659.303	117.626.779.871
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>7.651.304.532</b>	<b>2.689.123.858</b>
Bà Phạm Thị Lanh	1.619.000.000	1.350.000.000
Các khách hàng khác	6.032.304.532	1.339.123.858
<b>Cộng</b>	<b>86.830.963.835</b>	<b>120.315.903.729</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.784.339.431	-	-	-	2.784.339.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.973.109.049	-	4.349.309.557	(2.122.172.636)	16.200.245.970	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.973.855	-	278.237.329	(281.545.074)	5.666.110	-
Thuế tài nguyên	6.553.200	-	45.861.200	(41.804.800)	10.609.600	-
Các loại thuế khác	-	-	104.716.290	(47.862.611)	56.853.679	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	15.402.300	(15.402.300)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.988.636.104</b>	<b>2.784.339.431</b>	<b>4.793.526.676</b>	<b>(2.508.787.421)</b>	<b>16.273.375.359</b>	<b>2.784.339.431</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.956.383.879	69.451.710.615
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.683.043.820	6.961.699.711
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.623.836.559)	(2.335.970.656)
Thu nhập chịu thuế	43.015.591.140	74.077.439.670
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	43.015.591.140	74.077.439.670
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>8.603.118.227</i>	<i>14.815.487.934</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(4.253.808.670)</i>	<i>(6.860.239.223)</i>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>4.349.309.557</b>	<b>7.955.248.711</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Thuế tài nguyên*

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 VND/m<sup>3</sup> đối với nước dưới lòng đất.

#### *Các loại thuế khác, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 16. Phải trả người lao động

Là tiền lương tháng 6 năm 2023 còn phải trả cho người lao động.

#### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

#### 18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>10.305.340.269</i>	<i>10.305.340.269</i>
Công ty Cổ phần Camimex Group - Cổ tức phải trả	9.818.238.584	9.818.238.584
Các cá nhân có liên quan - Cổ tức phải trả	487.101.685	487.101.685
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>31.343.990.503</i>	<i>26.801.266.532</i>
Kinh phí công đoàn	6.025.728.450	5.696.087.669

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	6.714.328.503	2.294.894.536
Nhận ký quỹ ngắn hạn	480.000.000	480.000.000
Cổ tức phải trả	2.497.081.977	2.497.081.977
Coop, Basel - Tiền mượn	8.061.015.050	8.054.226.827
Jullia Alex Asianfood - Tiền đặt cọc chuyển không đúng hợp đồng	6.698.967.994	6.698.967.994
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	866.868.529	1.080.007.529
<b>Cộng</b>	<b><u>41.649.330.772</u></b>	<b><u>37.106.606.801</u></b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**19. Vay và nợ thuê tài chính****19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<b>24.820.000.000</b>	<b>19.120.000.000</b>
Vay Ông Huỳnh Văn Tấn <sup>(xi)</sup>	520.000.000	520.000.000
Vay Ông Bùi Đức Dũng <sup>(xi)</sup>	1.000.000.000	-
Vay Bà Vũ Thị Bích Ngọc <sup>(xi)</sup>	12.000.000.000	8.200.000.000
Vay Công ty TNHH Camimex Farm <sup>(xi)</sup>	900.000.000	-
Vay Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú <sup>(xi)</sup>	10.400.000.000	10.400.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>981.732.804.447</b>	<b>890.344.922.270</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	889.464.516.393	678.080.107.357
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(i)</sup>	78.632.667.980	68.653.332.473
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <sup>(ii)</sup>	18.203.851.665	25.194.608.495
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(iii)</sup>	150.082.131.822	145.022.989.776
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau <sup>(iv)</sup>	166.914.447.000	89.678.174.897
- Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ <sup>(v)</sup>	26.868.137.500	36.777.037.830
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(vi)</sup>	123.274.453.457	110.111.322.386
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(vii)</sup>	200.067.630.000	197.672.641.500
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cà Mau	-	4.970.000.000
- Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn <sup>(viii)</sup>	35.512.500.000	-
- Vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh <sup>(ix)</sup>	79.908.696.969	-
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Chương Dương <sup>(x)</sup>	10.000.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác <sup>(xi)</sup>	-	14.865.358.301



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Vay Vih Capital Pte., Ltd</i>	-	14.865.358.301
Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(xi)</sup>	75.876.000.000	77.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	424.996.000	3.540.859.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	15.967.292.054	16.722.207.944
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	-	99.636.389.668
<b>Cộng</b>	<b><u>1.006.552.804.447</u></b>	<b><u>909.464.922.270</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1b).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7 và VII.1b).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7, V.9 và VII.1b).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, VII.1a và VII.1b).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, hàng hóa và chi phí thuê đất (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.8b).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1b).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp hàng hóa (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (ix) Khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ và hàng hóa (xem thuyết minh số V.3 và V.7).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (x) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn – Phòng giao dịch Chương Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (xi) Khoản vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	678.080.107.357	1.305.614.474.568	-	(1.099.397.346.238)	5.167.280.706	889.464.516.393
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	25.265.358.301	44.244.880.539	-	(58.210.238.840)	-	11.300.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	86.220.000.000	149.277.000.000	-	(146.101.000.000)	-	89.396.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.540.859.000	-	162.498.000	(3.278.361.000)	-	424.996.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	16.722.207.944	-	7.324.680.775	(8.079.596.665)	-	15.967.292.054
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	99.636.389.668	365.452.057	-	(100.001.841.725)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>909.464.922.270</b>	<b>1.499.501.807.164</b>	<b>7.487.178.775</b>	<b>(1.415.068.384.468)</b>	<b>5.167.280.706</b>	<b>1.006.552.804.447</b>

### 19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>		
Vay dài hạn ngân hàng	243.763.000	406.261.000
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau <sup>(i)</sup>	243.763.000	406.261.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	4.110.000.000
Vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam <sup>(ii)</sup>	-	4.110.000.000
Nợ thuê tài chính	19.499.887.766	19.389.604.957
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm	-	2.833.159.330
Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất không quá 12%/năm, thời hạn 05 năm	19.499.887.766	16.556.445.627
<b>Cộng</b>	<b>19.743.650.766</b>	<b>23.905.865.957</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	668.759.000	424.996.000	243.763.000
Nợ thuê tài chính	35.467.179.820	15.967.292.054	19.499.887.766
<b>Cộng</b>	<b>36.135.938.820</b>	<b>16.392.288.054</b>	<b>19.743.650.766</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	1.227.120.000	820.859.000	406.261.000
Vay dài hạn tổ chức khác	6.830.000.000	2.720.000.000	4.110.000.000
Nợ thuê tài chính	36.111.812.901	16.722.207.944	19.389.604.957
Trái phiếu thường	99.636.389.668	99.636.389.668	-
<b>Cộng</b>	<b>143.805.322.569</b>	<b>119.899.456.612</b>	<b>23.905.865.957</b>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền gốc phải trả	15.967.292.054	19.499.887.766	35.467.179.820
Lãi thuê phải trả	3.079.578.176	3.070.131.831	6.149.710.007
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>19.046.870.230</b>	<b>22.570.019.597</b>	<b>41.616.889.827</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền gốc phải trả	16.722.207.944	19.389.604.957	36.111.812.901
Lãi thuê phải trả	2.676.349.966	1.507.056.266	4.183.406.232
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>19.398.557.910</b>	<b>20.896.661.223</b>	<b>40.295.219.133</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Vay dài hạn ngân hàng	406.261.000	-	-	(162.498.000)	243.763.000
Vay dài hạn tổ chức khác	4.110.000.000	-	(4.110.000.000)	-	-
Nợ thuê tài chính	19.389.604.957	7.624.054.493	(189.090.909)	(7.324.680.775)	19.499.887.766
<b>Cộng</b>	<b>23.905.865.957</b>	<b>7.624.054.493</b>	<b>(4.299.090.909)</b>	<b>(7.487.178.775)</b>	<b>19.743.650.766</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 19c. *Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán*

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

#### 20. *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	880.000.000	880.000.000
Tăng khác	-	500.000
Số cuối kỳ	<u>880.000.000</u>	<u>880.500.000</u>

#### 21. *Vốn chủ sở hữu*

##### 21a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

##### 21b. *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex Group	483.150.000.000	483.150.000.000
Ông Bùi Sĩ Tuấn	9.860.000.000	9.860.000.000
Các cổ đông khác	136.990.000.000	136.990.000.000
Cộng	<u>630.000.000.000</u>	<u>630.000.000.000</u>

##### 21c. *Cổ phiếu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.000.000	63.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.000.000	63.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.000.000	63.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.000.000	63.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.000.000	63.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 22. *Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ*

##### *Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 125.281,72 USD (số đầu năm là 167.263,13 USD).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	683.889.054.211	1.216.481.121.613
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	-	349.337.151
<b>Cộng</b>	<b>683.889.054.211</b>	<b>1.216.830.458.764</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Camimex Group</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	-	7.877.806.000
Doanh thu gia công	-	349.337.151
<b>Công ty Cổ phần Camimex Foods</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	1.416.539.250	1.570.540.000

### 2. Khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	5.282.781.094	13.492.971.987
Giảm giá hàng bán	-	97.059.970
<b>Cộng</b>	<b>5.282.781.094</b>	<b>13.590.031.957</b>

### 3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	555.742.557.515	1.026.621.641.653
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	-	294.815.162
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	800.124.969	1.858.827.205
<b>Cộng</b>	<b>556.542.682.484</b>	<b>1.028.775.284.020</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền không kỳ hạn	6.280.767	3.019.875
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	72.800.000	126.452.055
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.959.867.527	17.354.981.204
Lãi ứng trước tiền hàng	6.403.929.307	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.294.551.257
<b>Cộng</b>	<b>24.442.877.601</b>	<b>18.779.004.391</b>

#### 5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	26.801.783.679	21.254.994.051
Chi phí phát hành trái phiếu	363.610.332	940.192.429
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	13.502.998.971	21.965.411.582
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.500.115.983	-
<b>Cộng</b>	<b>46.168.508.965</b>	<b>44.160.598.062</b>

#### 6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.265.820.482	2.799.341.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.000.000	102.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.714.686.208	48.247.227.786
Các chi phí khác	13.543.533.966	10.081.530.791
<b>Cộng</b>	<b>33.626.040.656</b>	<b>61.230.099.893</b>

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.719.777.593	5.790.543.139
Chi phí đồ dùng văn phòng	633.240.026	1.031.020.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.113.227.851	3.976.842.035
Thuế, phí và lệ phí	26.570.300	68.373.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.252.786	114.418.724
Các chi phí khác	14.277.547.293	9.587.877.559
<b>Cộng</b>	<b>25.933.615.849</b>	<b>20.569.075.061</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	257.621.246	-
Thu từ thay đổi tài sản góp vốn từ quyền sử dụng đất sang tiền mặt	-	5.137.631.680
Thu nhập khác	219.883.191	308.490.832
<b>Cộng</b>	<b>477.504.437</b>	<b>5.446.122.512</b>

#### 9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	425.638	175.119.240
Chi phí phạt chậm nộp lãi vay	121.126.758	61.882.791
Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc	36.154.230	105.808.110
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	718.484	2.090.035.554
Chi phí khác	140.998.212	845.940.364
<b>Cộng</b>	<b>299.423.322</b>	<b>3.278.786.059</b>

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	662.177.657.443	1.122.226.717.529
Chi phí nhân công	54.032.100.268	64.945.698.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.674.159.661	26.582.432.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.557.568.898	73.197.561.165
Chi phí khác	30.114.376.623	22.251.309.558
<b>Cộng</b>	<b>804.555.862.893</b>	<b>1.309.203.719.104</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Tạm ứng cổ tức	-	203.619.478
Vay tiền không lãi suất	46.944.000.000	-
Trả tiền vay	(45.944.000.000)	-
<b>Các thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tạm ứng cổ tức	-	62.996.046
<b>Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Tạm ứng cổ tức	-	220.486.161
Vay tiền không lãi suất	3.800.000.000	-

#### *Cam kết bảo lãnh*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.19a).

#### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.18 và V.19a.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát*

Kỳ này	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	117.153.808	24.000.000	141.153.808
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	117.150.268	24.000.000	141.150.268
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên Hội đồng quản trị	-	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	24.000.000	24.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	117.149.788	-	117.149.788
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban Ban kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	12.000.000	12.000.000
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023)	-	9.335.484	9.335.484
Bà Trần Thị My	Thành viên Ban kiểm soát	-	2.464.516	2.464.516
<b>Cộng</b>		<b>351.453.864</b>	<b>173.800.000</b>	<b>525.253.864</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Chức danh</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ trước				
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	117.487.026	24.000.000	141.487.026
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	117.485.402	24.000.000	141.485.402
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên Hội đồng quản trị	-	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	9.733.333	9.733.333
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	117.488.409	-	117.488.409
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban Ban kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	12.000.000	12.000.000
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
<b>Cộng</b>		<b>352.460.837</b>	<b>153.733.333</b>	<b>506.194.170</b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Camimex Group	Công ty mẹ
Công ty TNHH Camimex Organic	Công ty con
Công ty TNHH Camimex Farm	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty có chủ sở hữu có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Camimex Group</b>		
Mua hàng hóa	97.570.779.678	-
Chi phí cung cấp dịch vụ	4.240.909.091	-
Hoàn trả quyền sử dụng đất đã nhận góp vốn	-	(49.300.513.000)
Nhận góp vốn	-	49.300.513.000
Vay tiền không lãi suất	25.590.000.000	12.973.140.000
Trả tiền vay	(25.590.000.000)	(20.743.221.030)
Tạm ứng cổ tức	-	9.818.238.584
Ứng trước tiền hàng	(38.447.120.568)	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Camimex Logistics</b>		
Chi phí dịch vụ vận chuyển	-	36.977.903.988
<b>Công ty Cổ phần Camimex Foods</b>		
Mua hàng hóa	77.563.576.855	127.577.273.353
Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu	-	13.575.040.150
Chi phí gia công	585.228.700	6.126.835.358
Vay tiền không lãi suất	7.180.000.000	74.760.000.000
Trả tiền vay	(7.180.000.000)	(74.760.000.000)
<b>Công ty TNHH Camimex Farm</b>		
Vay tiền không lãi suất	1.400.000.000	-
Trả tiền vay	(500.000.000)	-
<b>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải</b>		
Mua hàng hóa	83.796.993.977	16.170.252.332
Chi phí cung cấp dịch vụ	809.100.000	-
<b>Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú</b>		
Mua hàng hóa	53.896.765.465	183.738.996.951

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### *Cam kết bảo lãnh*

Công ty TNHH Camimex Farm dùng hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 200.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.19a).

Công ty Cổ phần Camimex Logistics dùng tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 29.350.000.000 VND (xem thuyết minh số V.19a).

Công ty Cổ phần Camimex Group dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 166.502.386.000 VND (xem thuyết minh số V.19a).

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.13, V.14, V.18 và V.19a.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

##### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

##### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nước ngoài	666.832.879.550	881.815.559.627
Trong nước	11.773.393.567	321.424.867.180
<b>Cộng</b>	<b>678.606.273.117</b>	<b>1.203.240.426.807</b>

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

  
Trần Quốc Phong  
Người lập

  
Nguyễn Thị Lam  
Kế toán trưởng

  
Đặng Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX  
Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2023  
CAMIMEX CORP  
MSSDN 2001122502  
TP. CÀ MAU - T. CÀ MAU

**CHỨNG THỰC BÊN BẮC**  
**ĐỒNG VỚI BẢN CHỨNG**

Số chứng thực... 4025... quyển số 171/2025CT/BC

Ngày: 29 tháng 12 năm 2023.

**CÔNG CHỨNG VIÊN**

  
VĂN PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
CAO THỊ KIỀU DIỄM  
TP. CÀ MAU - T. CÀ MAU

*Cao Thị Kiều Diễm*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	203.370.034.358	286.705.178.918	39.180.216.935	1.610.913.996	530.866.344.207
Mua trong kỳ	3.381.655.442	3.698.126.764	11.738.927.273	-	18.818.709.479
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.574.627.274)	-	(3.574.627.274)
Số cuối kỳ	<b>206.751.689.800</b>	<b>290.403.305.682</b>	<b>47.344.516.934</b>	<b>1.610.913.996</b>	<b>546.110.426.412</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.776.402.028	43.167.255.657	9.446.718.968	1.306.813.996	83.697.190.649
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	73.569.760.992	140.942.421.535	22.226.237.077	1.451.380.656	238.189.800.260
Khấu hao trong kỳ	7.509.349.459	12.159.330.106	1.859.211.292	30.409.998	21.558.300.855
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.064.066.700)	-	(2.064.066.700)
Số cuối kỳ	<b>81.079.110.451</b>	<b>153.101.751.641</b>	<b>22.021.381.669</b>	<b>1.481.790.654</b>	<b>257.684.034.415</b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	129.800.273.366	145.762.757.383	16.953.979.858	159.533.340	292.676.543.947
Số cuối kỳ	<b>125.672.579.349</b>	<b>137.301.554.041</b>	<b>25.323.135.265</b>	<b>129.123.342</b>	<b>288.426.391.997</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**CHỨNG THỰC BÀN SÀ**  
**ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 4.036... quyền số: 01/2.02.867/B  
 Ngày: 29 tháng 12 năm 2023

VĂN PHÒNG TÀI CHÍNH VIÊN  
 CÔNG CHỨNG  
 CAO THỊ KIỆT DIỆM

*(Chữ ký và dấu của Văn phòng Công chứng Cao Thị Kiệt Diễm)*

Trần Quốc Phong  
 Người lập

Nguyễn Thị Lam  
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX  
 SỐ QUÂN 2001122800  
 TP. CÀ MAU  
 Ngày 08 tháng 8 năm 2023  
 Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	630.000.000.000	6.800.000.000	219.463.095.177	856.263.095.177
Tăng vốn góp trong kỳ trước	49.300.513.000	-	-	49.300.513.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	61.496.461.904	61.496.461.904
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	(12.802.422.246)	(12.802.422.246)
Giảm vốn góp trong kỳ trước	(49.300.513.000)	-	-	(49.300.513.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>630.000.000.000</b>	<b>6.800.000.000</b>	<b>268.157.134.835</b>	<b>904.957.134.835</b>
Số dư đầu năm nay	630.000.000.000	6.800.000.000	314.759.284.240	951.559.284.240
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	36.607.074.322	36.607.074.322
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>630.000.000.000</b>	<b>6.800.000.000</b>	<b>351.366.358.562</b>	<b>988.166.358.562</b>

### CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... quyền số... ngày... tháng... năm 20...

Ngày: 29 tháng 12 năm 2023.

PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ CHỨNG VIỆN

Trần Quốc Phong  
Người lập

Nguyễn Thị Lam  
Kế toán trưởng

Cao Thị Kiều Diễm

Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2023



Đặng Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

**BẢN SAO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>13 - 43</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>44 - 46</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:**

- Chế biến thủy sản các loại;
- Nuôi tôm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Xuất khẩu nông sản thực phẩm;
- Xuất nhập khẩu thủy sản các loại;
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

**Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2020
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Bà Trần Thị Mỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Đặng Ngọc Sơn – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/HĐQT/CMC.2023 ngày 01 tháng 01 năm 2023.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Ngày 29 tháng 8 năm 2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAG  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực... *2011* ... quyền số... *01/2023* CT/B.

Ngày... *29* ... tháng... *12* ... năm 20... *23* ...



15 /  
SẢN  
Y T  
/A1  
C  
NTI  
TP.

Số: 4.0289/23/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỎ ĐÔNG, HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Cần Thơ



**Nguyễn Quốc Ngữ**  
Thành viên Ban Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 3089-2020-008-1  
Người được ủy quyền

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực... 4.0289/23/TC-AC... quyển số... 01/2023/CT/B...  
Ngày: 29 tháng 8 năm 2023...



*Bao Thị Hiền Diễm*

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢN SAO****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.842.973.158.357</b>	<b>1.668.492.641.964</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.638.827.518</b>	<b>5.836.426.850</b>
1. Tiền	111	V.1	4.638.827.518	5.836.426.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.600.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3.600.000.000	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>392.842.664.587</b>	<b>763.273.112.681</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	201.634.674.842	625.581.162.349
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	167.810.698.141	132.567.634.888
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	24.314.988.104	6.042.011.944
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(917.696.500)	(917.696.500)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.421.130.641.591</b>	<b>880.294.246.884</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.463.146.441.148	921.509.921.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(42.015.799.557)	(41.215.674.588)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.761.024.661</b>	<b>14.088.855.549</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.159.816.183	630.846.259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.816.869.047	10.673.669.859
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	2.784.339.431	2.784.339.431
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>552.446.734.046</b>	<b>545.706.136.126</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.030.000.000</b>	<b>8.440.809.124</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.030.000.000	8.440.809.124
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>376.073.347.152</b>	<b>357.936.915.488</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	323.663.880.926	299.411.590.456
- Nguyên giá	222		595.674.081.458	550.713.283.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(272.010.200.532)	(251.301.692.650)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	8.934.302.150	13.402.469.102
- Nguyên giá	225		45.424.320.258	45.424.320.258
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(36.490.018.108)	(32.021.851.156)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	43.475.164.076	45.122.855.930
- Nguyên giá	228		64.688.899.986	64.688.899.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.213.735.910)	(19.566.044.056)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>101.884.066.032</b>	<b>97.853.797.671</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	101.884.066.032	97.853.797.671
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	50.000.000.000	50.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	5.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.459.320.862</b>	<b>26.474.613.843</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	23.459.320.862	26.308.487.219
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	166.126.624
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.395.419.892.403</b>	<b>2.214.198.778.090</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.392.395.731.086</b>	<b>1.248.118.108.083</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.372.652.080.320</b>	<b>1.224.212.242.126</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	208.729.352.759	122.360.381.597
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	86.830.963.835	120.315.903.729
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16.436.008.861	15.124.704.628
4. Phải trả người lao động	314	V.17	10.533.185.760	13.919.133.407
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	760.166.036	4.812.885.025
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	41.929.598.622	37.334.311.470
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.006.552.804.447	909.464.922.270
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	880.000.000	880.000.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.743.650.766</b>	<b>23.905.865.957</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	19.743.650.766	23.905.865.957
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.003.024.161.317</b>	<b>966.080.670.007</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.003.024.161.317</b>	<b>966.080.670.007</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	630.000.000.000	630.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		630.000.000.000	630.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	6.800.000.000	6.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	354.574.777.689	317.685.971.164
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		317.685.971.164	317.685.971.164
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		36.888.806.525	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22a	11.649.383.628	11.594.698.843
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.395.419.892.403</b>	<b>2.214.198.778.090</b>

Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2023



Trần Quốc Phong  
Người lập

Nguyễn Thị Lam  
Kế toán trưởng

Đặng Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Số chứng thực..... 403..... quyền số..... 01/2023OT/BS

Ngày: 29 tháng 12 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢN SAO****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	691.091.080.883	1.295.911.956.968
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.282.781.094	13.590.031.957
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		685.808.299.789	1.282.321.925.011
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	555.337.636.008	1.103.493.367.669
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130.470.663.781	178.828.557.342
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	24.444.785.031	18.779.972.348
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	46.168.508.965	44.160.598.062
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.801.783.679	21.254.994.051
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	33.626.040.656	61.230.099.893
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	33.531.191.777	22.334.143.338
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.589.707.414	69.883.688.397
12. Thu nhập khác	31	VI.8	477.504.437	5.446.122.512
13. Chi phí khác	32	VI.9	493.510.598	4.567.538.480
14. Lợi nhuận khác	40		(16.006.161)	878.584.032
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.573.701.253	70.762.272.429
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4.464.083.319	8.499.927.864
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		166.126.624	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.943.491.310	62.262.344.565
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		36.888.806.525	62.079.815.810
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		54.684.785	182.528.755
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	586	985
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	586	985

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực... 4094... quyền số... 3CT/B5... Ngày... 29 tháng 12 năm 2023...

**CÔNG CHỨNG VIỆN**

Phan Thị Kiên Diễm



Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Đặng Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốcTrần Quốc Phong  
Người lậpNguyễn Thị Lam  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢN SAO****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.573.701.253	70.762.272.429
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	28.888.433.388	27.419.064.281
- Các khoản dự phòng	03	V.7	800.124.969	1.858.827.205
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	5.500.115.983	(1.294.551.257)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(330.421.246)	(5.264.083.735)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	26.801.783.679	21.254.994.051
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		103.233.738.026	114.736.522.974
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		309.448.217.223	(334.164.032.360)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(541.636.519.676)	(183.004.364.876)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		114.641.294.257	134.177.112.759
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.320.196.433	(72.732.453)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(30.854.502.668)	(21.047.150.179)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(2.122.172.636)	(5.317.999.376)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(44.969.749.041)</b>	<b>(294.692.143.511)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.12	(52.565.693.987)	(15.955.632.961)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.768.181.820	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.600.000.000)	(200.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	200.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	673.013.698	21.657.534
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(43.724.498.469)</b>	<b>(15.933.975.427)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	49.300.513.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	1.507.125.861.657	1.689.619.602.052
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(1.411.098.787.803)	(1.435.442.762.646)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a,b	(8.268.687.574)	(7.270.840.447)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>87.758.386.280</b>	<b>296.206.511.959</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(935.861.230)	(14.419.606.979)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.836.426.850	24.212.188.855
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(261.738.102)	915.203.119
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>4.638.827.518</b>	<b>10.707.784.995</b>

  
 Trần Quốc Phong  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Lam  
 Kế toán trưởng

  
 Đặng Ngọc Sơn  
 Tổng Giám đốc



**CHỨNG THỰC BẢN SÁCH ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực.....4025..... quyển số 01/2025QT/BS  
 Ngày: 29 tháng 12 năm 2023...



*Handwritten signature: Văn Thị Kiều Diễm*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢN SAO**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp; kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty chi đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 79,21% (số đầu năm là 79,21%). Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.207 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.264 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### *Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng*

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### *Phí bảo lãnh vay vốn*

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

## 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Loại tài sản cố định

Máy móc và thiết bị

Số năm

05

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

#### *Nhãn hiệu, tên thương mại*

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu gia công*

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

### 19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	138.403.407	212.192.466
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.500.424.111	5.624.234.384
<b>Cộng</b>	<b><u>4.638.827.518</u></b>	<b><u>5.836.426.850</u></b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (*)	3.600.000.000	3.600.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.600.000.000</u></b>	<b><u>3.600.000.000</u></b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>

(\*) Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.20a).

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 5.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Camimex Foods, chiếm tỷ lệ 16,67% vốn điều lệ của công ty này.

##### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>38.274.315.775</i>	<i>218.882.732.466</i>
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	38.274.315.775	218.882.732.466
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>163.360.359.067</i>	<i>406.698.429.883</i>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Long Thành Hưng	28.021.892.240	249.925.892.240
Metro Richelieu Inc	24.451.366.694	1.906.941.378
Coop, Basel	22.288.471.379	6.373.836.252

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	-	92.777.670.000
Các khách hàng khác	88.598.628.754	55.714.090.013
<b>Cộng</b>	<b>201.634.674.842</b>	<b>625.581.162.349</b>

Toàn bộ công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối kỳ đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>5.195.970.560</i>	<i>2.500.000.000</i>
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	2.695.970.560	-
Ông Bùi Đức Cường	2.500.000.000	2.500.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>162.614.727.581</i>	<i>130.067.634.888</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang	69.765.467.638	45.567.267.000
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom	53.511.143.563	60.953.799.716
Các nhà cung cấp khác	39.338.116.380	23.546.568.172
<b>Cộng</b>	<b>167.810.698.141</b>	<b>132.567.634.888</b>

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>1.783.161.769</i>	-	<i>1.783.161.769</i>	-
Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu khác	1.783.161.769	-	1.783.161.769	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>22.531.826.335</i>	-	<i>4.258.850.175</i>	-
Tạm ứng	4.809.184.743	-	2.355.493.476	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	37.183.562	-	637.397.260	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	7.530.809.124	-	-	-
Lãi dự thu ứng trước tiền hàng	6.403.929.307	-	-	-
Phải thu hộ dân tiền ứng dịch vụ dự án tôm sinh thái	3.365.050.690	-	885.654.451	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	385.668.909	-	380.304.988	-
<b>Cộng</b>	<b>24.314.988.104</b>	-	<b>6.042.011.944</b>	-

##### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức khác</i>				
Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long - Trả trước cho người bán	739.361.500	-	739.361.500	-
Phải thu các tổ chức khác	178.335.000	-	178.335.000	-
<b>Cộng</b>	<b>917.696.500</b>	<b>-</b>	<b>917.696.500</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	917.696.500	882.296.500
Số cuối kỳ	<b>917.696.500</b>	<b>882.296.500</b>

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.671.559.501	-	8.070.047.206	-
Công cụ, dụng cụ	1.592.451.863	-	1.337.443.139	-
Thành phẩm	1.451.882.429.784	(42.015.799.557)	912.102.431.127	(41.215.674.588)
<b>Cộng</b>	<b>1.463.146.441.148</b>	<b>(42.015.799.557)</b>	<b>921.509.921.472</b>	<b>(41.215.674.588)</b>

Một số thành phẩm tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 650.600.000.000 VND (số đầu năm là 402.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	41.215.674.588	39.356.847.383
Trích lập dự phòng bổ sung	800.124.969	1.858.827.205
Số cuối kỳ	<b>42.015.799.557</b>	<b>41.215.674.588</b>

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	338.539.394	251.927.286
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	648.688.437	378.918.973
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	172.588.352	-
<b>Cộng</b>	<b>1.159.816.183</b>	<b>630.846.259</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.077.022.036	2.500.876.126
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	6.242.370.844	7.281.438.611
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	12.814.510	47.814.508
Phí bảo lãnh vay vốn	217.101.395	277.543.061
Chi phí thuê đất (*)	13.664.644.054	14.002.042.672
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.245.368.023	2.198.772.241
<b>Cộng</b>	<b><u>23.459.320.862</u></b>	<b><u>26.308.487.219</u></b>

(\*) Trong đó, chi phí thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 13.664.644.054 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.20a).

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 288.330.911.149 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	45.424.320.258
Số cuối kỳ	<b><u>45.424.320.258</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	32.021.851.156
Khấu hao trong kỳ	4.468.166.952
Số cuối kỳ	<b><u>36.490.018.108</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	13.402.469.102
Số cuối kỳ	<b><u>8.934.302.150</u></b>

#### 11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	1.000.000.000	62.907.674.178	781.225.808	64.688.899.986
Số cuối kỳ	<b><u>1.000.000.000</u></b>	<b><u>62.907.674.178</u></b>	<b><u>781.225.808</u></b>	<b><u>64.688.899.986</u></b>
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	331.225.808	331.225.808

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	18.872.318.248	693.725.808	19.566.044.056
Khấu hao trong kỳ	-	1.572.691.854	75.000.000	1.647.691.854
Số cuối kỳ	-	<b>20.445.010.102</b>	<b>768.725.808</b>	<b>21.213.735.910</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	1.000.000.000	44.035.355.930	87.500.000	45.122.855.930
Số cuối kỳ	<b>1.000.000.000</b>	<b>42.462.664.076</b>	<b>12.500.000</b>	<b>43.475.164.076</b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Thông tin về biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	166.126.624	166.126.624
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(166.126.624)	-
Số cuối kỳ	<b>-</b>	<b>166.126.624</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>22.701.243.505</b>	<b>41.321.277.962</b>
Công ty Cổ phần Camimex Group	4.380.120.127	15.510.005.085
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	5.213.309.161	9.687.346.545
Công ty Cổ phần Camimex Foods	1.594.461.776	8.752.724.010
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	11.513.352.441	7.371.202.322
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>186.028.109.254</b>	<b>81.039.103.635</b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	43.240.038.615	4.353.901.470
Công ty TNHH Nền tảng Tài chính số Vina - Chi nhánh Hà Nội	37.085.184.000	25.569.628.928
Các nhà cung cấp khác	105.702.886.639	51.115.573.237
<b>Cộng</b>	<b>208.729.352.759</b>	<b>122.360.381.597</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<b>79.179.659.303</b>	<b>117.626.779.871</b>
Công ty Cổ phần Camimex Group	79.179.659.303	117.626.779.871
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>7.651.304.532</b>	<b>2.689.123.858</b>
Bà Phạm Thị Lanh	1.619.000.000	1.350.000.000
Các khách hàng khác	6.032.304.532	1.339.123.858
<b>Cộng</b>	<b>86.830.963.835</b>	<b>120.315.903.729</b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.081.371.740	-	11.711.708	(1.093.083.448)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.784.339.431	-	-	-	2.784.339.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.962.350.379	-	4.464.083.319	(2.122.172.636)	16.304.261.062	-
Thuế thu nhập cá nhân	74.429.309	-	279.213.436	(289.358.225)	64.284.520	-
Thuế tài nguyên	6.553.200	-	45.861.200	(41.804.800)	10.609.600	-
Các loại thuế khác	-	-	104.716.290	(47.862.611)	56.853.679	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	22.402.300	(22.402.300)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.124.704.628</b>	<b>2.784.339.431</b>	<b>4.927.988.253</b>	<b>(3.616.684.020)</b>	<b>16.436.008.861</b>	<b>2.784.339.431</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Sản xuất giống thủy sản	Không chịu thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

#### **Công ty Cổ phần Camimex**

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

#### **Công ty TNHH Camimex Organic**

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex	4.349.309.557	7.955.248.711
Công ty TNHH Camimex Organic	114.773.762	544.679.153
<b>Cộng</b>	<b>4.464.083.319</b>	<b>8.499.927.864</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Thuế tài nguyên*

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 VND/m<sup>3</sup> đối với nước dưới lòng đất.

### *Các loại thuế khác, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### **17. Phải trả người lao động**

Là tiền lương tháng 6 năm 2023 còn phải trả cho người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

18. **Chi phí phải trả ngắn hạn**  
Là chi phí lãi vay phải trả.

19. **Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>10.305.340.269</b>	<b>10.305.340.269</b>
Công ty Cổ phần Camimex Group - Cổ tức phải trả	9.818.238.584	9.818.238.584
Các cá nhân có liên quan - Cổ tức phải trả	487.101.685	487.101.685
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>31.624.258.353</b>	<b>27.028.971.201</b>
Kinh phí công đoàn	6.262.853.143	5.910.684.842
Bảo hiểm xã hội	6.757.471.660	2.308.002.032
Nhận ký quỹ ngắn hạn	480.000.000	480.000.000
Cổ tức phải trả	2.497.081.977	2.497.081.977
Coop, Basel - Tiền mượn	8.061.015.050	8.054.226.827
Jullia Alex Asianfood - Tiền đặt cọc chuyển không đúng hợp đồng	6.698.967.994	6.698.967.994
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	866.868.529	1.080.007.529
<b>Cộng</b>	<b>41.929.598.622</b>	<b>37.334.311.470</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. **Vay và nợ thuê tài chính**

20a. **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>24.820.000.000</b>	<b>19.120.000.000</b>
Vay Ông Huỳnh Văn Tấn <sup>(xi)</sup>	520.000.000	520.000.000
Vay Ông Bùi Đức Dũng <sup>(xi)</sup>	1.000.000.000	-
Vay Bà Vũ Thị Bích Ngọc <sup>(xi)</sup>	12.000.000.000	8.200.000.000
Vay Công ty TNHH Camimex Farm <sup>(xi)</sup>	900.000.000	-
Vay Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú <sup>(xi)</sup>	10.400.000.000	10.400.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>981.732.804.447</b>	<b>890.344.922.270</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	889.464.516.393	678.080.107.357
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(i)</sup>	78.632.667.980	68.653.332.473
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <sup>(ii)</sup>	18.203.851.665	25.194.608.495
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(iii)</sup>	150.082.131.822	145.022.989.776
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau <sup>(iv)</sup>	166.914.447.000	89.678.174.897
- Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ <sup>(v)</sup>	26.868.137.500	36.777.037.830
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(vi)</sup>	123.274.453.457	110.111.322.386
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt	200.067.630.000	197.672.641.500

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nam - Chi nhánh Cà Mau</i> <sup>(vii)</sup>		
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cà Mau	-	4.970.000.000
- Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn <sup>(viii)</sup>	35.512.500.000	-
- Vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh <sup>(ix)</sup>	79.908.696.969	-
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn – Phòng giao dịch Chương Dương <sup>(x)</sup>	10.000.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác <sup>(xi)</sup>	-	14.865.358.301
- Vay Vih Captital Pte.,ltd	-	14.865.358.301
Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(xi)</sup>	75.876.000.000	77.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	424.996.000	3.540.859.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	15.967.292.054	16.722.207.944
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	-	99.636.389.668
<b>Cộng</b>	<b><u>1.006.552.804.447</u></b>	<b><u>909.464.922.270</u></b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1b).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7 và VII.1b).
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7, V.9 và VII.1b).
- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, VII.1a và VII.1b).
- (v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, hàng hóa và chi phí thuê đất (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.8b)
- (vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1b).
- (viii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp hàng hóa (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (ix) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ và hàng hóa (xem thuyết minh số V.3 và V.7).
- (x) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn – Phòng giao dịch Chương Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (xi) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Camimex các tổ chức và cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	678.080.107.357	1.305.614.474.568	-	(1.099.397.346.238)	5.167.280.706	889.464.516.393
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	25.265.358.301	44.244.880.539	-	(58.210.238.840)	-	11.300.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	86.220.000.000	149.277.000.000	-	(146.101.000.000)	-	89.396.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.540.859.000	-	162.498.000	(3.278.361.000)	-	424.996.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	16.722.207.944	-	7.324.680.775	(8.079.596.665)	-	15.967.292.054
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	99.636.389.668	365.452.057	-	(100.001.841.725)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>909.464.922.270</b>	<b>1.499.501.807.164</b>	<b>7.487.178.775</b>	<b>(1.415.068.384.468)</b>	<b>5.167.280.706</b>	<b>1.006.552.804.447</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	243.763.000	406.261.000
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau <sup>(i)</sup>	243.763.000	406.261.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	4.110.000.000
Vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam <sup>(ii)</sup>	-	4.110.000.000
Nợ thuê tài chính	19.499.887.766	19.389.604.957
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm</i>	-	2.833.159.330
<i>Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất không quá 12%/năm, thời hạn 05 năm</i>	19.499.887.766	16.556.445.627
<b>Cộng</b>	<b>19.743.650.766</b>	<b>23.905.865.957</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	668.759.000	424.996.000	243.763.000
Nợ thuê tài chính	35.467.179.820	15.967.292.054	19.499.887.766
<b>Cộng</b>	<b>36.135.938.820</b>	<b>16.392.288.054</b>	<b>19.743.650.766</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	1.227.120.000	820.859.000	406.261.000
Vay dài hạn tổ chức khác	6.830.000.000	2.720.000.000	4.110.000.000
Nợ thuê tài chính	36.111.812.901	16.722.207.944	19.389.604.957
Trái phiếu thường	99.636.389.668	99.636.389.668	-
<b>Cộng</b>	<b>143.805.322.569</b>	<b>119.899.456.612</b>	<b>23.905.865.957</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền gốc phải trả	15.967.292.054	19.499.887.766	35.467.179.820
Lãi thuê phải trả	3.079.578.176	3.070.131.831	6.149.710.007
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>19.046.870.230</b>	<b>22.570.019.597</b>	<b>41.616.889.827</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền gốc phải trả	16.722.207.944	19.389.604.957	36.111.812.901
Lãi thuê phải trả	2.676.349.966	1.507.056.266	4.183.406.232
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>19.398.557.910</b>	<b>20.896.661.223</b>	<b>40.295.219.133</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	406.261.000	-	-	(162.498.000)	243.763.000
Vay dài hạn tổ chức khác	4.110.000.000	-	(4.110.000.000)	-	-
Nợ thuê tài chính	19.389.604.957	7.624.054.493	(189.090.909)	(7.324.680.775)	19.499.887.766
<b>Cộng</b>	<b>23.905.865.957</b>	<b>7.624.054.493</b>	<b>(4.299.090.909)</b>	<b>(7.487.178.775)</b>	<b>19.743.650.766</b>

**20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Tập đoàn chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	880.000.000	880.000.000
Tặng khác	-	500.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>880.000.000</b>	<b>880.500.000</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex Group	483.150.000.000	483.150.000.000
Ông Bùi Sĩ Tuấn	9.860.000.000	9.860.000.000
Các cổ đông khác	136.990.000.000	136.990.000.000
<b>Cộng</b>	<b>630.000.000.000</b>	<b>630.000.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.000.000	63.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

*Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 125.281,72 USD (số đầu năm là 167.263,1 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	6.563.201.672	82.176.272.169
Doanh thu bán thành phẩm	684.527.879.211	1.213.386.347.648
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	-	349.337.151
<b>Cộng</b>	<b>691.091.080.883</b>	<b>1.295.911.956.968</b>



#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Camimex Group</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	6.045.040.000	7.877.806.000
Doanh thu gia công	-	349.337.151
<i>Công ty Cổ phần Camimex Foods</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	1.416.539.250	1.570.540.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2. Khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	5.282.781.094	13.492.971.987
Giảm giá hàng bán	-	97.059.970
<b>Cộng</b>	<b>5.282.781.094</b>	<b>13.590.031.957</b>

#### 3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.893.927.200	77.596.576.614
Giá vốn của thành phẩm đã bán	548.643.583.839	1.023.743.148.688
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	-	294.815.162
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	800.124.969	1.858.827.205
<b>Cộng</b>	<b>555.337.636.008</b>	<b>1.103.493.367.669</b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền không kỳ hạn	8.188.197	3.987.832
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	72.800.000	126.452.055
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.959.867.527	17.354.981.204
Lãi ứng trước tiền hàng	6.403.929.307	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.294.551.257
<b>Cộng</b>	<b>24.444.785.031</b>	<b>18.779.972.348</b>

#### 5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	26.801.783.679	21.254.994.051
Chi phí phát hành trái phiếu	363.610.332	940.192.429
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	13.502.998.971	21.965.411.582
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.500.115.983	-
<b>Cộng</b>	<b>46.168.508.965</b>	<b>44.160.598.062</b>

#### 6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.265.820.482	2.799.341.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.000.000	102.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.714.686.208	48.247.227.786
Các chi phí khác	13.543.533.966	10.081.530.791
<b>Cộng</b>	<b>33.626.040.656</b>	<b>61.230.099.893</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.979.601.956	6.958.802.166
Chi phí đồ dùng văn phòng	767.730.251	1.037.773.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.250.005.735	4.142.095.476
Thuế, phí và lệ phí	33.570.300	74.373.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.085.451.452	114.418.724
Các chi phí khác	15.414.832.083	10.006.679.679
<b>Cộng</b>	<b>33.531.191.777</b>	<b>22.334.143.338</b>

### 8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	257.621.246	-
Thu từ thay đổi tài sản góp vốn từ quyền sử dụng đất sang tiền mặt	-	5.137.631.680
Thu nhập khác	219.883.191	308.490.832
<b>Cộng</b>	<b>477.504.437</b>	<b>5.446.122.512</b>

### 9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	596.250	184.461.007
Chi phí phạt chậm nộp lãi vay	121.126.758	61.882.791
Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc	36.154.230	105.808.110
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	718.484	2.090.035.554
Chiết khấu bán nợ	-	1.085.493.990
Chi phí khác	334.914.876	1.039.857.028
<b>Cộng</b>	<b>493.510.598</b>	<b>4.567.538.480</b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	36.888.806.525	62.079.815.810
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	36.888.806.525	62.079.815.810
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	63.000.000	63.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>586</b>	<b>985</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	63.000.000	63.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>63.000.000</b>	<b>63.000.000</b>

### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	386.949.085.617	957.902.201.904
Chi phí nhân công	57.340.166.041	67.877.312.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.888.433.388	27.419.064.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.486.767.564	73.203.561.165
Chi phí khác	34.262.533.807	27.328.244.811
<b>Cộng</b>	<b>541.926.986.417</b>	<b>1.153.730.384.607</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Tạm ứng cổ tức	-	203.619.478
Vay tiền không lãi suất	46.944.000.000	-
Trả tiền vay	(45.944.000.000)	-
<i>Các thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Tạm ứng cổ tức	-	62.996.046
<i>Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Tạm ứng cổ tức	-	220.486.161
Vay tiền không lãi suất	3.800.000.000	-

### *Cam kết bảo lãnh*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.4, V.19 và V.20a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Camimex:*

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	117.153.808	24.000.000	141.153.808
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	117.150.268	24.000.000	141.150.268
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên Hội đồng quản trị	-	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	24.000.000	24.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	117.149.788	-	117.149.788
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban Ban kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	12.000.000	12.000.000
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023)	-	9.335.484	9.335.484
Bà Trần Thị My	Thành viên Ban kiểm soát	-	2.464.516	2.464.516
<b>Cộng</b>		<b>351.453.864</b>	<b>173.800.000</b>	<b>525.253.864</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Chức danh</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ trước				
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	117.487.026	24.000.000	141.487.026
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	117.485.402	24.000.000	141.485.402
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên Hội đồng quản trị	-	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	9.733.333	9.733.333
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	117.488.409	-	117.488.409
Bà Lê Hồng Lam	Trưởng ban Ban kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	12.000.000	12.000.000
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
<b>Cộng</b>		<b>352.460.837</b>	<b>153.733.333</b>	<b>506.194.170</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Camimex Group	Công ty mẹ
Công ty TNHH Camimex Organic	Công ty con
Công ty TNHH Camimex Farm	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty có chủ sở hữu có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Camimex Group</b>		
Mua hàng hóa	97.570.779.678	-
Chi phí cung cấp dịch vụ	4.240.909.091	-
Hoàn trả quyền sử dụng đất đã nhận góp vốn	-	(49.300.513.000)
Nhận góp vốn	-	49.300.513.000
Vay tiền không lãi suất	25.590.000.000	12.973.140.000
Trả tiền vay	(25.590.000.000)	(20.743.221.030)
Tạm ứng cổ tức	-	9.818.238.584
Ứng trước tiền hàng	(38.447.120.568)	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Camimex Logistics</b>		
Chi phí dịch vụ vận chuyển	-	36.977.903.988
<b>Công ty Cổ phần Camimex Foods</b>		
Mua hàng hóa	77.563.576.855	127.577.273.353
Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu	-	13.575.040.150
Chi phí gia công	585.228.700	6.126.835.358
Vay tiền không lãi suất	7.180.000.000	74.760.000.000
Trả tiền vay	(7.180.000.000)	(74.760.000.000)
<b>Công ty TNHH Camimex Farm</b>		
Vay tiền không lãi suất	1.400.000.000	-
Trả tiền vay	(500.000.000)	-
<b>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vinh Hải</b>		
Mua hàng hóa	83.796.993.977	16.170.252.332
Chi phí cung cấp dịch vụ	809.100.000	-
<b>Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú</b>		
Mua hàng hóa	166.576.474.105	183.738.996.951

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### **Cam kết bảo lãnh**

Công ty TNHH Camimex Farm dùng hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 200.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Logistics dùng tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 29.350.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Group dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 166.502.386.000 VND (xem thuyết minh số V.20a).

### **Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14, V.15, V.19 và V.20a.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

#### 2. Thông tin về bộ phận

##### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

##### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nước ngoài	666.832.879.550	881.815.559.627
Trong nước	18.975.420.239	400.506.365.384
Cộng	<u>685.808.299.789</u>	<u>1.282.321.925.011</u>

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Trần Quốc Phong  
Người lập

Nguyễn Thị Lam  
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

**CHỨNG THỰC BẢN SÁP ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực.....4096..... quyển số 01/2023-BC/T/BC

Ngày: 29 tháng 12 năm 2023.



Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
**Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

**BẢN SAO**

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	221.916.329.879	287.254.177.296	39.931.861.935	1.610.913.996	550.713.283.106
Mua trong kỳ	23.574.752.498	3.698.126.764	11.738.927.273	-	39.011.806.535
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.523.619.091	-	-	-	9.523.619.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.574.627.274)	-	(3.574.627.274)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>255.014.701.468</b>	<b>290.952.304.060</b>	<b>48.096.161.934</b>	<b>1.610.913.996</b>	<b>595.674.081.458</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	37.469.473.435	43.658.753.807	9.446.718.968	1.306.813.996	91.881.760.206
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	84.028.724.568	141.433.984.345	24.387.603.081	1.451.380.656	251.301.692.650
Khấu hao trong kỳ	8.941.711.075	12.180.778.055	1.619.675.454	30.409.998	22.772.574.582
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.064.066.700)	-	(2.064.066.700)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>92.970.435.643</b>	<b>153.614.762.400</b>	<b>23.943.211.835</b>	<b>1.481.790.654</b>	<b>272.010.200.532</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	137.887.605.311	145.820.192.951	15.544.258.854	159.533.340	299.411.590.456
Số cuối kỳ	162.044.265.825	147.337.541.660	24.152.950.099	129.123.342	323.663.880.926

Số chứng thực... quyền số...  
 Ngày... tháng... năm 2023



*Trần Quốc Phong*

**Trần Quốc Phong**  
 Người lập

*Nguyễn-Thị Lam*

**Nguyễn-Thị Lam**  
 Kế toán trưởng

**Đặng Ngọc Sơn**  
 Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
**Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang**



Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	29.516.760.000	13.628.927.152	-	(75.039.700)	43.070.647.452
Xây dựng cơ bản dở dang	68.337.037.671	-	(9.523.619.091)	-	58.813.418.580
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao máy móc thiết bị góp vốn từ Công ty Cổ phần Camimex Group	7.492.033.611	-	-	-	7.492.033.611
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao chi phí đầu tư xây dựng cơ bản từ Công ty Cổ phần Camimex Group	22.494.312.000	-	-	-	22.494.312.000
- Công trình thiết kế hạng mục Nhà máy xí nghiệp 3- Zone 1 sản xuất Cá Chém	16.314.752.727	-	-	-	16.314.752.727
- Công trình xây dựng khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	982.422.346	-	-	-	982.422.346
- Công trình san lấp mặt bằng	9.523.619.091	-	(9.523.619.091)	-	-
- Các công trình khác	11.529.897.896	-	-	-	11.529.897.896
<b>Cộng</b>	<b>97.853.797.671</b>	<b>13.628.927.152</b>	<b>(9.523.619.091)</b>	<b>(75.039.700)</b>	<b>101.884.066.032</b>

Số chứng thực.....~~6.0218~~...quyển số ~~611.22.2501BC~~

Ngày...~~19~~...tháng...~~12~~...năm...~~20~~...~~2023~~...



Cá Mau ngày 28 tháng 8 năm 2023

*(Signature)*  
**Trần Quốc Phong**  
 Người lập

*(Signature)*  
**Nguyễn Thị Lam**  
 Kế toán trưởng

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	630.000.000.000	6.800.000.000	223.377.239.521	11.795.063.613	871.972.303.134
Tăng trong kỳ trước	49.300.513.000	-	-	-	49.300.513.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	62.079.815.810	182.528.755	62.262.344.565
Giảm trong kỳ trước	(49.300.513.000)	-	-	-	(49.300.513.000)
Tăng do hợp nhất kinh doanh trong kỳ trước	-	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	(12.802.422.246)	-	(12.802.422.246)
Số dư cuối kỳ trước	630.000.000.000	6.800.000.000	272.654.633.085	211.977.592.368	1.121.432.225.453

Đơn vị tính: VND

Số dư đầu năm nay 630.000.000.000  
 Lợi nhuận trong kỳ này HƯNG THỰC BẢN SẠO  
 Số dư cuối kỳ này ĐÚNG VỚI BẢN CHỨNG

Số chứng thực quyền sở hữu cổ phần

Ngày 29 tháng 12 năm 2023



*(Handwritten signature)*

Trần Quốc Phong  
 Người lập

Nguyễn Thị Lâm  
 Kế toán trưởng



Ngày 28 tháng 8 năm 2023

*(Handwritten signature)*

Đặng Ngọc Sơn  
 Tổng Giám đốc

Số: 2411/CV.CMC

V/v: Điều chỉnh thuyết minh BCTC quý 3 năm  
2023 của CMM)

Cà Mau, ngày 24 tháng 11 năm 2023

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Công ty Cổ phần Camimex (Mã cổ phiếu: CMM – Sàn: Upcom) xin gửi đến Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

Báo cáo tài chính quý 3 năm 2023 của Công ty cổ phần Camimex đã được Công ty công bố thông tin theo quy định.

Nhận thấy một số sai sót trong việc lập thuyết minh BCTC, bằng Công văn này, CMM điều chỉnh thuyết minh và công bố thông tin bổ sung trong Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất quý 3 năm 2023, cụ thể như sau:

**1. Tại Báo cáo tài chính Riêng quý 3 năm 2023 – Phần Thuyết minh BCTC****a. Thuyết minh số 06 (trang 10 và trang 11) về Nợ xấu:**Nội dung đã trình bày

Chưa có số liệu

Nội dung điều chỉnh**Nợ xấu**

Các tổ chức khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long - Trả trước cho người bán	739.361.500		739.361.500	
Phải thu các tổ chức khác	178.335.000		178.335.000	
<b>Cộng</b>	<b>917.696.500</b>		<b>917.696.500</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	917.696.500	882.296.500
Số cuối kỳ	917.696.500	882.296.500

**b. Thuyết minh số 16 Mục a (trang 15) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:**Nội dung đã trình bày:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a-Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:	371.777.111.373	371.777.111.373	131.949.322.760	131.949.322.760

- Phải trả cho các đối tượng khác	371.777.111.373	371.777.111.373	131.949.322.760	131.949.322.760
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	156.142.247.025	156.142.247.025	120.315.903.729	120.315.903.729
- Phải trả người lao động	7.908.644.615	7.908.644.615	13.521.070.097	13.521.070.097
b)- Các khoản phải trả người bán dài hạn:				
- Phải trả cho các đối tượng khác.				
<b>Cộng:</b>	<b>535.828.003.013</b>	<b>535.828.003.013</b>	<b>265.786.296.586</b>	<b>265.786.296.586</b>
c)- Số nợ quá hạn chưa thanh toán:				
- Phải trả cho các đối tượng khác.				
<b>Cộng:</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
d)- Phải trả người bán là các bên liên quan				

Nội dung điều chỉnh:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị.	Số có khả năng trả nợ.	Giá trị.	Số có khả năng trả nợ.
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:	535.828.003.013	535.828.003.013	265.786.296.586	265.786.296.586
- Phải trả cho các đối tượng khác	371.777.111.373	371.777.111.373	131.949.322.760	131.949.322.760
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	156.142.247.025	156.142.247.025	120.315.903.729	120.315.903.729
- Phải trả người lao động	7.908.644.615	7.908.644.615	13.521.070.097	13.521.070.097
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn:	0	0	0	0
- Phải trả cho các đối tượng khác.				
<b>Cộng:</b>	<b>535.828.003.013</b>	<b>535.823.003.013</b>	<b>265.786.296.586</b>	<b>265.786.296.586</b>
c)- Số nợ quá hạn chưa thanh toán:				
- Phải trả cho các đối tượng khác.				
<b>Cộng:</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
d)- Phải trả người bán là các bên liên quan				

**2. Tại Báo cáo tài chính Hợp nhất quý 3/2023 – Phần Thuyết minh BCTC**

**a. Thuyết minh số 6 (trang 11) về Nợ xấu:**

Nội dung đã trình bày

Chưa có số liệu

Nội dung điều chỉnh

Nợ xấu

Các tổ chức khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long - Trả trước cho người bán	739.361.500		739.361.500	
Phải thu các tổ chức khác	178.335.000		178.335.000	
<b>Cộng</b>	<b>917.696.500</b>		<b>917.696.500</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	917.696.500	882.296.500
Số cuối kỳ	917.696.500	882.296.500

**b. Thuyết minh số 16 Mục a (trang 15) – Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:**

Nội dung đã trình bày:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị.	Số có khả năng trả nợ.	Giá trị.	Số có khả năng trả nợ.
a-Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
- Phải trả cho các đối tượng khác	361.727.076.476	361.727.076.476	122.360.381.597	122.360.381.597
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	156.143.087.025	156.143.087.025	120.315.903.729	120.315.903.729
- Phải trả người lao động	8.296.418.727	8.296.418.727	13.919.133.407	13.919.133.407
b)- Các khoản phải trả người bán dài hạn:				
- Phải trả cho các đối tượng khác.				
<b>Cộng:</b>	<b>526.166.582.228</b>	<b>526.166.582.228</b>	<b>256.595.418.733</b>	<b>256.595.418.733</b>
c)- Số nợ quá hạn chưa thanh toán:				
- Phải trả cho các đối tượng khác.				
<b>Cộng:</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
d)- Phải trả người bán là các bên liên quan				

Nội dung điều chỉnh:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:	526.166.582.228	526.166.582.228	256.595.418.733	256.595.418.733
- Phải trả cho các đối tượng khác	361.727.076.476	361.727.076.476	122.360.381.597	122.360.381.597
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	156.143.087.025	156.143.087.025	120.315.903.729	120.315.903.729
- Phải trả người lao động	8.296.418.727	8.296.418.727	13.919.133.407	13.919.133.407
b)- Các khoản phải trả người bán dài hạn:				
- Phải trả cho các đối tượng khác.				
<b>Cộng:</b>	<b>526.166.582.228</b>	<b>526.166.582.228</b>	<b>256.595.418.733</b>	<b>256.595.418.733</b>
c)- Số nợ quá hạn chưa thanh toán:				
- Phải trả cho các đối tượng khác.				
<b>Cộng:</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
d)- Phải trả người bán là các bên liên quan				

Các nội dung khác của Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất quý 3 năm 2023 không thay đổi. Công văn này là bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm BCTC Riêng và Hợp nhất quý 3 năm 2023 của Công ty cổ phần Camimex.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như Kinh gửi;
- Lưu ...



Chủ tịch HĐQT

Bùi Sĩ Tuấn